

Mẫu 01-CBTT/SGDHN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-SGDHN ngày / /2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NÔNG NGHIỆP CÔNG
NGHỆ CAO TRUNG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---oOo---

Số: 41/2021/CBTT/TAR

Cần Thơ, ngày 16 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

- Tên tổ chức: Công Ty Cổ Phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An
- Mã chứng khoán: TAR
- Địa chỉ: 649A, QL91, Khu vực Qui Thạnh, P. Trung Kiên, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ
- Điện thoại: 02923.857.336 Fax: 02923.857.199
- Email: sales@trunganrice.com
- Nội dung thông tin công bố: Điều chỉnh nội dung công bố thông tin
- **Trước điều chỉnh:** Ngày 09/11/2021, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (TAR) công bố thông tin nghị quyết số 21/2021/TAR/NQ-HĐQT về việc điều chỉnh một số nội dung liên quan đến kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán của nghị quyết số 18/2021/TAR/NQ-HĐQT ngày 05/10/2021 và thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2021.
- **Sau điều chỉnh:** Ngày 09/11/2021, Công ty Cổ phần Nông nghiệp Công nghệ cao Trung An (TAR) công bố thông tin nghị quyết số 21/2021/TAR/NQ-HĐQT về việc điều chỉnh một số nội dung liên quan đến kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán của nghị quyết số 18/2021/TAR/NQ-HĐQT ngày 05/10/2021 (kèm nghị quyết đã điều chỉnh)
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 16/11/2021 tại đường dẫn: <http://www.trunganrice.com>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



PHẠM THÁI BÌNH

Số: 21/2021/TAR/NQ-HĐQT

Cần Thơ, ngày 09 tháng 11 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

V/v: Điều chỉnh một số nội dung liên quan đến kế hoạch sử dụng số tiền thu được đợt chào bán của Nghị quyết số 18/2021/TAR/NQ-HĐQT ngày 05/10/2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (Luật Doanh Nghiệp 2020);
- Căn cứ Luật chứng khoán số Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021 (Luật Chứng khoán 2019);
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 21/2021/TAR/BB-HĐQT ngày 09/11/2021;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung liên quan đến kế hoạch sử dụng số tiền thu được đợt chào bán của Nghị quyết số 18/2021/TAR/NQ-HĐQT ngày 05/10/2021

Điều chỉnh các nội dung về phương án sử dụng vốn và kế hoạch sử dụng vốn chi tiết đã được nêu trong Nghị quyết số 18/2021/TAR/NQ-HĐQT ngày 05/10/2021 như sau:

- Phương án sử dụng vốn:

STT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền sử dụng (Tỷ đồng)	Thời điểm giải ngân
1	Trả nợ vay ngân hàng	450	Từ quý IV/2021 đến quý II/2022
	Tổng cộng	450	

- Kế hoạch sử dụng vốn chi tiết:

STT	Tên ngân hàng	Số Hợp đồng / Khế ước nhận nợ	Số tiền thanh toán (VND)	Thời gian dự kiến trả nợ
I	Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Cần Thơ	(Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số LD2001600387 ngày 20/01/2020 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD2001600387/01 ngày 03/12/2020	268.947.909.670	
1		LD2117200421	1.427.500.000	21/12/2021

STT	Tên ngân hàng	Số Hợp đồng / Khế ước nhận nợ	Số tiền thanh toán (VNĐ)	Thời gian dự kiến trả nợ
2			1.452.360.000	21/12/2021
3		LD2117600503	9.906.070.840	25/12/2021
4		LD2117900350	5.200.000.000	28/12/2021
5		LD2118200489	6.000.000.000	01/01/2022
6		LD2118600510	7.503.060.000	05/01/2022
7			3.344.849.625	05/01/2022
8		LD2119400642	1.257.960.000	13/01/2022
9			5.655.000.000	13/01/2022
10		LD2119500396	3.282.400.000	14/01/2022
11		LD2119600454	3.000.000.000	15/01/2022
12		LD2120200324	6.710.000.000	21/01/2022
13			6.275.000.000	21/01/2022
14			7.015.000.000	21/01/2022
15		LD2120300311	7.392.000.000	22/01/2022
16			11.088.000.000	22/01/2022
17			7.549.000.000	22/01/2022
18		LD2120400302	9.070.000.000	23/01/2022
19		LD2121500357	6.956.575.000	03/02/2022
20			7.243.425.000	03/02/2022
21			5.000.000.000	03/02/2022
22			4.800.000.000	03/02/2022
23		LD2121700378	3.300.000.000	05/02/2022
24			4.100.000.000	05/02/2022
25		LD2122100258	4.300.000.000	09/02/2022
26			5.675.500.000	09/02/2022
27			4.524.500.000	09/02/2022
28		LD2122200305	1.636.914.375	10/02/2022
29			3.963.085.625	10/02/2022
30		LD2122500291	5.130.000.000	13/02/2022

30/01/2022
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 TRƯỜNG HỢNG

STT	Tên ngân hàng	Số Hợp đồng / Khế ước nhận nợ	Số tiền thanh toán (VNĐ)	Thời gian dự kiến trả nợ
31			5.070.000.000	13/02/2022
32		LD2122900262	1.685.342.250	17/02/2022
33			3.214.657.750	17/02/2022
34		LD2123100337	3.300.000.000	19/02/2022
35		LD2123900153	7.400.000.000	27/02/2022
36			2.600.000.000	27/02/2022
37		LD2124200405	5.452.875.000	28/02/2022
38			1.000.000.000	28/02/2022
39			4.810.000.000	28/02/2022
40			3.547.125.000	28/02/2022
41			3.190.000.000	28/02/2022
42		LD2125100523	4.400.000.000	08/03/2022
43			5.100.000.000	08/03/2022
44			2.236.000.000	11/04/2022
45		LD2128400329	4.374.440.000	11/04/2022
46			8.709.269.205	11/04/2022
47			5.147.782.000	12/04/2022
48		LD2128500622	8.235.000.000	12/04/2022
49			1.617.218.000	12/04/2022
50		LD2129500655	2.921.169.840	22/04/2022
51			2.178.830.160	22/04/2022
52			1.751.176.800	27/04/2022
53		LD2130000520	7.188.823.200	27/04/2022
54				27/04/2022

24
NG
PT
N
NG
UN

07-

STT	Tên ngân hàng	Số Hợp đồng / Khế ước nhận nợ	Số tiền thanh toán (VND)	Thời gian dự kiến trả nợ
			6.060.000.000	
55		LD2130500519	2.114.536.280	01/05/2022
56			5.885.463.720	01/05/2022
II	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Cần Thơ (Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số CTO/20122 ngày 14/04/2021)		28.342.980.600	
1		LD2118801645	6.384.000.000	07/12/2021
2		LD2126000787	5.154.120.000	17/02/2022
3			5.005.623.000	17/02/2022
4			6.612.300.000	17/02/2022
5			5.186.937.600	17/02/2022
III	Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2020/7613578/HĐTD ngày 16/09/2020 và hợp đồng tín dụng hạn mức số 001/2021/7613578/HĐTD ngày 16/08/2021)		152.709.109.730	
1		001-047/2020/7613578/HĐTD	8.600.000.000	14/12/2021
2		001-048/2020/7613578/HĐTD	7.143.725.000	17/12/2021
3		001-048/2020/7613578/HĐTD	7.503.060.000	24/12/2021
4		001-049/2020/7613578/HĐTD	7.002.160.000	27/12/2021
5		001-050/2020/7613578/HĐTD	2.645.720.000	30/12/2021
6			2.288.000.000	30/12/2021
7		001-051/2020/7613578/HĐTD	704.514.000	04/01/2022
8			7.095.486.000	04/01/2022
9		001-052/2020/7613578/HĐTD	5.612.145.000	07/01/2022
10			5.676.750.000	07/01/2022
11			5.800.000.000	07/01/2022
12			4.600.000.000	07/01/2022

TP.

STT	Tên ngân hàng	Số Hợp đồng / Khế ước nhận nợ	Số tiền thanh toán (VNĐ)	Thời gian dự kiến trả nợ
13			12.300.000.000	07/01/2022
14		001-053/2020/7613578/HĐTD	10.023.090.000	07/01/2022
15			10.005.725.000	07/01/2022
16			5.673.000.000	07/01/2022
17		001-054/2020/7613578/HĐTD	4.873.610.000	10/01/2022
18			4.900.000.000	10/01/2022
19			3.414.025.000	10/01/2022
20			11.560.395.000	10/01/2022
21		001-055/2020/7613578/HĐTD	14.184.941.000	11/01/2022
22			5.000.422.500	11/01/2022
23		001.1/2021/7613578/HĐTD	3.201.600.000	28/01/2022
24		001.2/2021/7613578/HĐTD	2.499.800.000	28/01/2022
25			400.941.230 (*)	28/01/2022
Tổng cộng			450.000.000.000	

(*) Số tiền của khoản này được dự kiến dùng để trả một phần cho khoản vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long theo khế ước tín dụng số 001.2/2021/7613578/HĐTD, theo đó giá trị khoản vay là 1.500.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm triệu đồng), ngày trả nợ dự kiến là 28/01/2022.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này điều chỉnh các Nghị quyết sau:

Nội dung về phương án sử dụng vốn, kế hoạch sử dụng vốn chi tiết đã được nêu trong Điều 1 Nghị quyết số 18/2021/TAR/NQ-HĐQT ngày 05/10/2021 về việc Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ tăng vốn điều lệ năm 2021;

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT.



LÊ THỊ TUYẾT